

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 5 - 2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ

2. Bà Trương Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 215/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân M – sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh Lê Đ – sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn T, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/10/2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân M trình bày:

Chị và anh Lê Đ tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào ngày 17/02/2009. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Đ không lo làm ăn mà ham chơi cờ bạc, cá độ bóng đá; chị M khuyên can nhưng anh Đ không nghe vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát và sống ly thân từ năm 2017 đến nay, phần ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và xác định không thể chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Phương v – sinh ngày 02/3/2009, Lê Thu N - sinh ngày 05/11/2010, Lê Thúy N1 - sinh ngày 26/01/2016 hiện các con được mẹ chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung; yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng dân sự theo luật định nhưng anh Lê Đ không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án và cũng không đến Tòa tham gia tố tụng.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được ly hôn anh Đ; giao các con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn; anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo qui định pháp luật. Chị M không yêu cầu giải quyết tài sản chung và chị M khai không có nợ chung nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân M có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lê Đ ở Thôn T, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân M và anh Lê Đồng tự n đăng ký kết hôn vào ngày 17/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là thị xã Đ) do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Đ là hoàn toàn hợp pháp. Vợ chồng chị M và anh Đ sống hạnh phúc thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xô xát. Vợ chồng mâu thuẫn thời gian dài nhưng không có hướng khắc phục, đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh Đ đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị Xuân M được ly hôn anh Lê Đồng .

[4] Về con chung: Vợ chồng chị M, anh Đ có 03 người con chung tên Lê Phương V – sinh ngày 02/3/2009, Lê Thu N - sinh ngày 05/11/2010, Lê Thúy N1 - sinh ngày 26/01/2016 từ khi vợ chồng ly thân đến nay các con được mẹ chăm sóc nuôi dưỡng. Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét yêu cầu của chị M thấy rằng: Các con chung hiện đang ở với chị M và đều có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con nên xét giao cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là hợp lý. Chị M yêu cầu cấp dưỡng cho con là có căn cứ; do đó buộc anh Lê Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con mỗi tháng 1000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 11/5/2023.

[5] Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

[6] Về nợ chung: Chị M khai không có nên Tòa không xét.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 12, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Xuân M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Lê Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Xuân M được ly hôn anh Lê Đồng .

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Lê Phương V – sinh ngày 02/3/2009, Lê Thu N - sinh ngày 05/11/2010, Lê Thúy N1 - sinh ngày 26/01/2016 cho chị Nguyễn Thị Xuân M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn; anh Lê Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 11/5/2023 đến khi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Sau khi ly hôn đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị M khai không có nên không xét.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải

thi hành án chậm thực hiện số tiền có nghĩa vụ phải thi hành thì bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004113 ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Lê Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- THADS thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Phổ Phong
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Minh Trung